

Nghị định mới về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng

Ngày 09/11/2024 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 147/2024/NĐ-CP về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (“Nghị định 147”). Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25/12/2024 và thay thế Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về Quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, đã được sửa đổi bằng Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 và Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ (“Nghị định 72”).

So với Nghị định 72, Nghị định 147 có nhiều quy định mới, sửa đổi, bổ sung đáng chú ý. Cụ thể như sau:

1. Cung cấp Thông tin Xuyên Biên giới

1.1 Trách nhiệm Khi Cung cấp Thông tin:

Khi cung cấp thông tin xuyên biên giới vào Việt Nam, có sử dụng dịch vụ cho thuê chủ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc có tổng số lượt truy cập từ Việt Nam thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 100.000 lượt trở lên, tổ chức, cá nhân nước ngoài có một số trách nhiệm mới như:

(a) Thông báo thông tin liên hệ cho Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin Điện tử thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (“Cục PTTHTTĐT”) theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147 trong thời gian 60 ngày kể từ thời điểm có sử dụng dịch vụ cho thuê chủ lưu trữ dữ liệu tại Việt Nam hoặc đáp ứng số lượng người truy cập theo quy định.

Nghị định 147 quy định rõ ch^o các t^ổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung c^{ung} thông tin xuyên biên giới cho người s^ử dụng dịch vụ tại Việt Nam đã thông báo thông tin liên hệ cho Bộ TTTT mới được cung c^{ung} tính năng livestream hoặc cung c^{ung} các hoạt động có phát sinh doanh thu dưới mọi hình thức;

(b) Thực hiện th^{ỏa} thuận hợp tác v^ề nội dung với các cơ quan báo chí Việt Nam khi cung c^{ung} thông tin đ^{ón} lại từ báo chí Việt Nam trên cơ s^ở quy định v^ề s^ở hữu trí tuệ.

Nghị định 147 quy định th^{ỏa} thuận hợp tác nói trên ph^{ải} có các thông tin cơ b^{ản} sau: Thời hạn th^{ỏa} thuận; phạm vi, nội dung được s^ử dụng và trách nhiệm c^{ủa} m^{ỗi} bên; phương thức/hình thức tr^ả quy^{ền} lợi. Trường hợp hai bên không đạt được th^{ỏa} thuận hợp tác, t^ổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung c^{ung} thông tin xuyên biên giới không được s^ử dụng hoặc không hi^{ện} thị thông tin đ^{ón} lại từ các cơ quan báo chí Việt Nam;

(c) Lưu trữ thông tin c^{ủa} người s^ử dụng dịch vụ từ Việt Nam khi đăng ký tài kho^{ản} mạng xã hội (“MXH”), bao g^{ồm}: Họ và tên, ngày tháng năm sinh, s^ố điện thoại di động tại Việt Nam (hoặc s^ố định danh cá nhân), Trường hợp người s^ử dụng dịch vụ MXH là tr^ẻ em (nghĩa là người dưới 16 tu^{ổi}) thì cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự c^{ủa} tr^ẻ em đăng ký tài kho^{ản} bằng thông tin c^{ủa} cha, mẹ hoặc người giám hộ theo pháp luật dân sự c^{ủa} tr^ẻ em và có trách nhiệm giám sát, qu^{ản} lý nội dung tr^ẻ em truy cập, đăng t^{ải} và chia s^ẻ thông tin trên MXH;

(d) Cung c^{ung} thông tin c^{ủa} người s^ử dụng dịch vụ tại Việt Nam cho cơ quan có th^ể quy^{ền} khi có yêu c^{ầu} bằng văn b^{ản};

(e) Thực hiện xác thực tài kho^{ản} c^{ủa} người s^ử dụng dịch vụ MXH bằng s^ố điện thoại di động tại Việt Nam. Ch^ỉ trong trường hợp người s^ử dụng xác nhận không có s^ố điện thoại di động tại Việt Nam, t^ổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung c^{ung} dịch vụ MXH thực hiện xác thực tài kho^{ản} bằng s^ố định danh cá nhân theo quy định c^{ủa} pháp luật v^ề định danh và xác thực điện t^ử. Trường hợp người s^ử dụng dịch vụ MXH s^ử dụng tính năng livestream với mục đích thương mại, t^ổ chức, doanh nghiệp, cá

nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ MXH thực hiện xác thực tài khoản bằng số định danh cá nhân theo quy định của pháp luật về định danh và xác thực điện tử.

Nghị định 147 quy định rõ chỉ những tài khoản đã xác thực mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên MXH;

(f) Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam về những nội dung vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới phải ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật;

(g) Mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên MXH của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ;

(h) Tuân thủ quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trực tuyến nếu MXH trực tiếp cung cấp dịch vụ nội dung phát thanh, truyền hình theo yêu cầu, có thu tiền thuê bao người sử dụng dịch vụ;

(i) Thực hiện báo cáo định kỳ chậm nhất ngày 25 tháng 11 hàng năm theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 147 về hoạt động cung cấp dịch vụ cho người sử dụng tại Việt Nam hoặc báo cáo đột xuất liên quan đến các vấn đề an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tình hình kinh tế xã hội khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cục PTTHTTĐT.

1.2 Trách nhiệm Khi Xử lý Vi phạm:

Khi xảy ra vi phạm, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin phải thực hiện quy trình xử lý nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật sau:

(a) Đối với việc ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng

vi phạm pháp luật, xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam; các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài thực hiện chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Bộ TTTT, Bộ Công an (“Bộ CA”) hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

(b) Đối với các tài khoản MXH, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên cung cấp nội dung vi phạm pháp luật (trong 30 ngày có ít nhất 05 lần cung cấp nội dung vi phạm pháp luật hoặc trong 90 ngày có ít nhất 10 lần cung cấp nội dung vi phạm bị Bộ TTTT, Bộ CA yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ), các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài thực hiện việc khóa tạm thời các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung không cho người sử dụng tại Việt Nam truy cập chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cục PTTHTTĐT, Cục An ninh Mạng và Phòng, chống Tội phạm Sử dụng Công nghệ Cao thuộc Bộ Công an (“Cục ANM”) hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (“Cơ quan Có Thẩm quyền”). Thời gian khóa tạm thời từ 07 ngày đến 30 ngày, tùy thuộc vào số lần và mức độ vi phạm.

(c) Khi có yêu cầu của Cơ quan Có Thẩm quyền, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài thực hiện việc khóa vĩnh viễn các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung không cho người sử dụng tại Việt Nam truy cập khi đăng tải nội dung xâm phạm an ninh quốc gia hoặc đã bị khóa tạm thời từ 03 lần trở lên.

Nghị định 147 quy định rõ, trường hợp các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài không thực hiện hoặc không ngăn chặn, gỡ bỏ kịp thời các nội dung xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam theo yêu cầu của Cơ quan Có Thẩm quyền thì Bộ TTTT, Bộ CA sẽ triển khai các biện pháp kỹ thuật ngăn chặn toàn bộ nội dung, dịch vụ, ứng dụng trên mạng vi phạm và thực hiện các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính theo quy định. Biện pháp ngăn chặn chỉ được gỡ bỏ sau khi các vi phạm đã được tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài xử lý theo yêu cầu của Cơ

quan Có Thảm quy n.

2. Trang Thông tin Điện t

2.1 C p phép Website:

Cơ quan, t chức, doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam ch được thi t lập website t ng hợp, cung c p dịch vụ MXH khi có Gi y phép thi t lập website t ng hợp (Nghị định 147 giữ nguyên quy định tại Nghị định 72), Gi y phép cung c p dịch vụ MXH (trước đây là Gi y phép thi t lập MXH theo Nghị định 72) hoặc Gi y xác nhận thông báo cung c p dịch vụ MXH (đây là loại gi y phép mới theo Nghị định 147).

Các websites không ph i xin Gi y phép này bao g m: (i) Website cung c p dịch vụ chuyên ngành; (ii) Website cá nhân, website nội bộ; (iii) C ng thông tin điện t cung c p thông tin và dịch vụ công trực tuyến c a cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; (iv) Di n đàn nội bộ trên website. Tuy nhiên, đ c cung c p thông tin t ng hợp, các websites (i), (ii) và (iii) sẽ ph i có Gi y phép thi t lập website t ng hợp.

2.2 Trách nhiệm c a Cơ quan, T chức, Doanh nghiệp Thi t lập Website T ng hợp:

(a) Có ít nh t 01 hệ th ng máy ch đặt tại Việt Nam đ phục vụ thanh tra, ki m tra, lưu trữ, cung c p thông tin khi có yêu c u c a Cơ quan Có Thảm quy n và gi i quy t khi u nại c a người s dụng đ i với việc cung c p dịch vụ theo quy định. (Pháp luật hiện hành quy định website t ng hợp và MXH thuộc đ i tượng c p phép ph i s dụng ít nh t 01 tên mi n “.vn” và lưu giữ thông tin tại hệ th ng máy ch có địa ch IP ở Việt Nam).

(b) K t n i đ n hệ th ng giám sát c a Bộ TTTT đ phục vụ việc theo dõi đ ng t i tin bài trên website t ng hợp và th ng kê lượng người truy cập.

(c) Ngăn chặn, gỡ b nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp

luật, xâm phạm an ninh quốc gia Việt Nam chậm nhất là 24 giờ (theo Nghị định 72 là 3 giờ) kể từ khi có yêu cầu bằng điện thoại, văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cục PTTHTTĐT, Cục ANM hoặc Sở Thông tin và Truyền thông (“Sở TTTT”) địa phương và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc khi tự phát hiện vi phạm.

(d) Website tổng hợp được phép liên kết với cơ quan báo chí điện tử (không bao gồm các đài phát thanh, truyền hình) để sản xuất nội dung về các lĩnh vực: Khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hóa, thể thao, giải trí, quảng cáo, an sinh xã hội trên cơ sở phải có văn bản thỏa thuận hợp tác sản xuất về nội dung.

Liên quan đến điểm (c) nói trên, Nghị định 147 quy định rõ trường hợp không xử lý theo yêu cầu, Bộ TTTT, Bộ CA sẽ triển khai các biện pháp kỹ thuật để ngăn chặn nội dung, ứng dụng, dịch vụ vi phạm pháp luật và thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Biện pháp ngăn chặn chỉ được gỡ bỏ sau khi các vi phạm pháp luật đã được xử lý theo yêu cầu của Cơ quan Có Thẩm quyền.

3. Mạng Xã hội

3.1 Phân loại MXH:

Nghị định 147 phân loại MXH như sau:

(a) MXH nước ngoài do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam. Việc quản lý MXH nước ngoài thực hiện theo quy định đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp thông tin xuyên biên giới nêu tại Mục 1 ở trên.

(b) MXH trong nước do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân tại Việt Nam cung cấp, bao gồm:

(i) MXH có tổng số lượt truy cập thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) từ 10.000 lượt trở lên hoặc có trên 1.000 người sử dụng

thường xuyên trong tháng theo Nghị định 72 giờ được gọi là “MXH có số lượng người truy cập thường xuyên lớn”;

(ii) MXH có tổng số lượt truy cập thường xuyên trong 01 tháng (số liệu thống kê trung bình trong thời gian 06 tháng liên tục) dưới 10.000 lượt hoặc có dưới 1.000 người sử dụng thường xuyên trong tháng theo Nghị định 72 giờ được gọi là “MXH có số lượng người truy cập thường xuyên thấp”.

3.2 Cấp phép MXH:

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam chỉ được cung cấp dịch vụ MXH khi có:

(a) Giấy phép cung cấp dịch vụ MXH, đối với MXH có số lượng người truy cập thường xuyên lớn; hoặc

(b) Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ MXH (đối với MXH có số lượng người truy cập thường xuyên thấp).

3.3 Quản lý MXH:

Chỉ các MXH đã được Bộ TTTT cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ MXH mới được cung cấp tính năng livestream hoặc cung cấp các hoạt động có phát sinh doanh thu dưới mọi hình thức. Tuy nhiên, các MXH có số lượng người truy cập thường xuyên thấp nếu có nhu cầu cung cấp tính năng livestream hoặc cung cấp các hoạt động có phát sinh doanh thu thì có thể thực hiện tiếp tục cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ MXH.

Nếu tổng số đa dịch vụ (cung cấp, tích hợp nhiều dịch vụ trên cùng một website hoặc một ứng dụng) khi cung cấp dịch vụ MXH và các dịch vụ chuyên ngành khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có Giấy phép/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ MXH, Giấy phép/Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận thông báo cung cấp các dịch vụ chuyên ngành khác và tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Trong trường hợp nếu tổng số đa dịch vụ có cung cấp dịch vụ MXH và website tổng hợp thì phải phân định hai loại hình này thành các chuyên mục riêng biệt theo nguyên tắc không xen lẫn nội dung với nhau.

Các website nội bộ, website cung cấp dịch vụ chuyên ngành phải đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ MXH trong nước nêu trên nếu cung cấp dịch vụ MXH.

3.4 Trách nhiệm của Cơ quan, Tổ chức, Doanh nghiệp Cung cấp Dịch vụ MXH Trong nước:

(a) Không đăng tải hoặc cho người sử dụng (bao gồm cả nhân sự của mình) sản xuất nội dung dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn báo chí và đăng tải lên MXH.

(b) Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm.

(c) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật chậm nhất là 24 giờ kể từ khi có yêu cầu bằng điện thoại, văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cơ quan Có Thẩm quyền.

(d) Thực hiện việc khoá tạm thời các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật (trong 30 ngày có ít nhất 05 lần cung cấp nội dung vi phạm pháp luật hoặc trong 90 ngày có ít nhất 10 lần cung cấp nội dung vi phạm bị Bộ TTTT, Bộ CA yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ) chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu bằng điện thoại, văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cơ quan Có Thẩm quyền hoặc khi tự phát hiện vi phạm. Thời gian khóa tạm thời từ 07 ngày đến 30 ngày, tùy thuộc vào mức độ và số lần vi phạm.

(e) Thực hiện việc khóa vĩnh viễn các tài khoản MXH, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung đăng tải nội dung xâm phạm an ninh quốc gia hoặc đã bị tạm khóa từ 03 lần trở lên khi có yêu cầu bằng điện thoại, văn bản hoặc qua phương tiện điện tử của Cơ quan Có Thẩm quyền.

(f) Phải ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung, dịch vụ, ứng dụng vi phạm pháp luật trong thời hạn 48 giờ kể từ khi nhận được khiếu nại của người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam về những nội dung vi

phạm Điều 8 Luật An ninh mạng.

(g) Có ít nhất 01 hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam để phục vụ thanh tra, kiểm tra, lưu trữ, cung cấp thông tin khi có yêu cầu của Cơ quan Có Thẩm quyền và giải quyết khiếu nại của người sử dụng đối với việc cung cấp dịch vụ theo quy định.

(h) Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Thông tin và Truyền thông để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng dịch vụ, truy cập.

Liên quan đến điểm (d) và (e) nói trên, Nghị định 147 quy định rõ trường hợp cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ MXH không xử lý nội dung, dịch vụ vi phạm pháp luật, không tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động các tài khoản vi phạm pháp luật theo yêu cầu, Bộ TTTT sẽ đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ MXH hoặc thu hồi Giấy phép/Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ MXH đã cấp.

4. Trò chơi Điện tử trên Mạng

4.1 Phân loại Trò chơi Điện tử (“TCĐT”) trên Mạng:

Ngoài các TCĐT trên mạng dành cho người chơi từ 18 tuổi trở lên, 12 tuổi trở lên và mọi lứa tuổi theo Nghị định 72, Nghị định 174 bổ sung TCĐT trên mạng dành cho người chơi từ 16 tuổi trở lên (ký hiệu là 16+).

4.2 Quản lý TCĐT trên Mạng:

Nghị định 147 quy định các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài cung cấp dịch vụ TCĐT trên mạng cho người chơi tại Việt Nam (bao gồm cả việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới), phải thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật Việt Nam để thực hiện cung cấp dịch vụ.

4.3 Cấp phép TCĐT trên Mạng:

Theo Nghị định 147:

(a) Doanh nghiệp được phát hành TCĐT G1 trên mạng khi có Giấy phép cung cấp dịch vụ TCĐT G1 trên mạng và Quyết định phát hành TCĐT G1 trên mạng (trước đây theo quy định tại Nghị định 72 là Quyết định phê duyệt nội dung kịch bản đi với từng TCĐT) do Cục PTTHTTĐT cấp.

(b) Doanh nghiệp được phát hành TCĐT G2, G3, G4 trên mạng khi có Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ TCĐT G2, G3, G4 trên mạng (theo Nghị định 72 là Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ TCĐT) và Giấy xác nhận thông báo phát hành TCĐT G2, G3, G4 trên mạng (theo Nghị định 72, nhà cung cấp dịch vụ chỉ phải thông báo cung cấp dịch vụ đi với từng TCĐT).

5. Cung cấp Dịch vụ Nội dung Thông tin trên Mạng Viễn thông Di động

5.1 Định nghĩa “Cung cấp Dịch vụ Nội dung Thông tin trên Mạng Viễn thông Di động”:

Nghị định 147 lần đầu tiên định nghĩa “Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động” là việc tổ chức, doanh nghiệp thiết lập hệ thống thiết bị tại Việt Nam để kết nối tới mạng viễn thông di động nhằm cung cấp nội dung thông tin tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ nhắn tin, dịch vụ thoại (dịch vụ gọi giá cao, dịch vụ gọi tự do, dịch vụ gửi đáp thông tin) và dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động.

5.2 Quản lý việc Cung cấp Dịch vụ Nội dung Thông tin trên Mạng Viễn thông Di động:

Đi với các dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (trừ dịch vụ gọi tự do, dịch vụ gọi giá cao) thực hiện thanh toán từ tài khoản SIM di động cho dịch vụ viễn thông di động, dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải có Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động mà Giấy chứng nhận này chỉ được cấp cho tổ chức, doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có

chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động đã được đăng tải trên Công thông tin quốc gia và đăng ký doanh nghiệp.

Đối với các dịch vụ nội dung thông tin cung cấp tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ phải có Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận chuyên ngành do Bộ TTTT hoặc Sở TTTT cấp./.

—